|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH QUẢNG BÌNH**BAN CHỈ ĐẠO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**Số: /BCĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Quảng Bình, ngày tháng 09 năm 2019* |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết 10 năm thực hiện chương trình MTQG xây dựng tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2010 - 2020**

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2010 - 2020**

**I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

**1. Thuận lợi:**

- Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm đến phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nói chung, xây dựng nông thôn mới nói riêng; có nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ phục vụ xây dựng nông thôn mới tại các địa phương trên cả nước.

- Chương trình xây dựng nông thôn mới mang tính chất tổng thể, bao trùm mọi mặt đời sống xã hội nông thôn, nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy đảng, chính quyền, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đặc biệt Chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của đại đa số người dân nông thôn, do đó quá trình triển khai thực hiện nhận được sự đồng thuận tham gia tích cực của cộng đồng.

- Cơ sở hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư khang trang, hiện đại, đặc biệt là các công trình cơ sở vật chất văn hoá đã cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân khu vực nông thôn.

- Quan hệ sản xuất có thay đổi tích cực, hình thức tổ chức sản xuất theo hướng hàng hoá quy mô lớn, hợp tác, liên kết được hình thành và phát huy hiệu quả.

**2. Khó khăn:**

- Xuất phát điểm khi triển khai thực hiện chương trình của tỉnh thấp, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, địa hình phức tạp, trình độ dân trí không đồng đều.

- Nhu cầu nguồn lực là rất lớn trong khi khả năng huy động nguồn lực thực hiện chương trình của các xã trên địa bàn tỉnh còn khó khăn, đặc biệt tại các xã miền núi; chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư kinh doanh, sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Đời sống nhân dân ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn khó khăn. Những hạn chế trên lĩnh vực giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, y tế, văn hóa chậm được khắc phục. An ninh trật tự còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp.

- Trình độ phát triển có sự chênh lệch khá lớn (giữa các huyện và giữa các xã); điều kiện tự nhiên không thuận lợi (nhiều loại địa hình khác nhau dẫn đến sự manh mún trong tổ chức sản xuất, điều kiện khí hậu khắc nghiệt, đất đai cằn cỗi; thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai khắc nghiệt).

**II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

**1. Vai trò chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành của các cấp, các ngành trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2016-2020**

***a. Giai đoạn 2010 - 2015:*** Xác định xây dựng nông thôn mới là một chương trình mang tính lâu dài, đòi hỏi sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, vì vậy, để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, Tỉnh ủy đã kịp thời ban hành Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020. Cấp ủy các cấp đã chủ động ban hành Nghị quyết, xây dựng chương trình hành động thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới đã được thành lập ở ba cấp (tỉnh, huyện, xã); 100% thôn, bản đều có Ban phát triển thôn. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014, Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện bắt đầu được thành lập. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, đội ngũ tham mưu, giúp việc cho Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới các cấp còn thiếu và yếu, chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm, nên hiệu quả tham mưu chưa cao. Nhiều huyện đã chủ động chọn xã chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm; ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện chương trình, trong đó có những chính sách đặc thù như: hỗ trợ xi măng để làm đường giao thông nông thôn; cơ chế thưởng đối với các xã sớm về đích,…; chủ động lồng ghép các nội dung xây dựng nông thôn mới với việc thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, công tác chỉ đạo còn nặng về xây dựng, hoàn thiện các công trình hạ tầng, chưa quan tâm nhiều đến phát triển sản xuất.

***b. Giai đoạn 2016 – 2020:*** Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ ban hành, tỉnh Quảng Bình đã kiện toàn, tổ chức lại bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình, cụ thể: UBND tỉnh Quảng Bình thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ) các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020, trong đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo, chịu trách nhiệm tổng hợp các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020; Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan chủ trì chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Cấp huyện thành lập BCĐ huyện, Văn phòng Điều phối; Cấp xã thành lập BCĐ, Ban quản lý và Ban phát triển thôn. Nhiều sở, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội thành lập tổ giúp việc hoặc cử cán bộ để chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được phân công như: Sở Công Thương, Sở Giao thông Vận tải, Công an tỉnh...; một số xã thành lập thêm các tiểu ban giúp việc như xây dựng cơ bản, tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới...Riêng huyện Lệ Thủy, Minh Hóa đã tập trung kiện toàn bộ máy giúp việc theo hướng tăng cường số lượng cán bộ chuyên trách (biệt phái cán bộ ở cơ sở về làm việc tại Văn phòng Điều phối); chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp.

Giai đoạn này, Thủ tướng Chính phủ đã phân cấp mạnh hơn, giao quyền chủ động phân bổ nguồn lực cho cấp tỉnh, tỉnh ta đã có cơ chế cho phép UBND các xã giữ lại 80% tiền đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nông thôn mới, vì thế, đã tạo sự chủ động cho các địa phương trong bố trí nguồn lực để thực hiện các mục tiêu của Chương trình. Quan điểm chỉ đạo của các huyện, thị xã, TP đã thay đổi mạnh mẽ, theo hướng đi sâu vào nâng cao chất lượng các nội dung của chương trình; chú trọng thực hiện các nội dung trọng tâm, tác động trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của người dân (như phát triển sản xuất, vườn mẫu, khu dân cư kiểu mẫu, văn hóa, môi trường, an ninh trật tự xã hội,...). Đội ngũ lãnh đạo chủ chốt của các địa phương vào cuộc mạnh mẽ, tâm huyết, quyết liệt chỉ đạo thực hiện các nội dung về huy động và bố trí nguồn lực, phát triển sản xuất; nhiều địa phương quyết liệt trong luân chuyển, bố trí cán bộ đủ năng lực để xây dựng nông thôn mới.

**2. Xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện**

***a. Giai đoạn I (2011-2015):*** Căn cứ các văn bản của Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, cụ thể hóa các quy định của Trung ương; chỉ đạo các sở ngành liên quan ban hành hoặc tham mưu ban hành các văn bản hướng dẫn, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình; các huyện, thị xã, TP ban hành Nghị quyết, Chương trình hành động và các văn bản liên quan khác. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù, cụ thể:

 - Để nâng cao tính chủ động trong thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn vốn đầu tư, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai sớm cơ chế đầu tư đặc thù theo Quyết định 498/QĐ-TTg và Thông tư 03/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch Đầu tư[[1]](#footnote-1).

- Cơ chế huy động vốn: Tỉnh đã thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn; ban hành Quyết định số 20/2011/QĐ-UBND cho phép UBND các xã được giữ lại 70% tiền đấu giá quyền sử dụng đất để phục vụ cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; huy động các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân.

- Cơ chế hỗ trợ xi măng: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 1378/QĐ-UBND về cơ chế hỗ trợ xi măng xây dựng đường giao thông nông thôn và thuỷ lợi nội đồng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2014 - 2016 và uỷ quyền Sở Nông nghiệp và PTNT ký hợp đồng nguyên tắc với nhà máy cung ứng xi măng để hỗ trợ cho các xã thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Cơ chế chính sách đối với xã, huyện chỉ đạo điểm của tỉnh: Quy định cơ chế hỗ trợ theo tỷ lệ: Đối với thành phố Đồng Hới: Tỉnh hỗ trợ 50%; thành phố, xã, dân đóng góp 50%; huyện Tuyên Hóa: Tỉnh hỗ trợ 80%; huyện, xã, dân đóng góp 20%; các huyện, thị xã còn lại tỉnh hỗ trợ 60%; huyện, xã, dân 40%

- Nhiều địa phương đã chủ động ban hành thêm một số chính sách phù hợp với điều kiện thực tế nhằm huy động các nguồn lực thực hiện, ưu tiên triển khai các nội dung quan trọng, tạo tiền đề cho việc thực hiện mục tiêu của Chương trình như: Hỗ trợ xi măng, vật tư làm đường giao thông; chính sách thưởng các xã về đích; trích ngân sách hỗ trợ hoạt động của Ban phát triển thôn...

***b. Giai đoạn II (cập nhật đến 9/2019)***

- Giai đoạn 2016 - 2020, chương trình có nhiều thay đổi về cơ chế, chính sách. Đầu tiên là Bộ tiêu chí quốc gia về xã đạt chuẩn nông thôn mới, được xây dựng theo hướng linh hoạt hơn. Theo đó, các địa phương căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế xã hội và tự nhiên của mình, để chủ động ban hành các Bộ tiêu chí, tiêu chí phù hợp. Tỉnh Quảng Bình đã ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; tiêu chí vườn mẫu nông thôn mới, khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; tiêu chí công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới tại các xã khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 - 2020; đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm; phân công các Sở ngành trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của mình ban hành văn bản hướng dẫn các tiêu chí mà đơn vị mình phụ trách.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tiếp tục triển khai cơ chế đầu tư đặc thù và kịp thời hướng dẫn theo quy định mới của Trung ương. Trên cơ sở Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ, UBND tỉnh ban hành danh mục các loại dự án thuộc các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng theo Nghị định 161/2016/NĐ-CP, trong đó có 10 loại danh mục được áp dụng cơ chế đặc thù. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành các văn bản hướng dẫn tạm thời thực hiện cơ chế đặc thù[[2]](#footnote-2) làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện.

- Cơ chế huy động vốn: Tỉnh đã thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn; cho phép UBND các xã được giữ lại 80% tiền đấu giá quyền sử dụng đất để phục vụ cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; huy động các khoản đóng góp của nhân dân theo nguyên tắc tự nguyện.

- Cơ chế chính sách đối với xã, huyện chỉ đạo điểm của tỉnh: Ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương sẽ hỗ trợ 07 tỷ đồng/xã đối với các xã thuộc các huyện: Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch, TX. Ba Đồn và 09 tỷ đồng đối với các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa (các dự án của các xã đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách tỉnh không tính vào gói hỗ trợ này).

- Nhiều địa phương đã chủ động ban hành thêm một số chính sách như: Chính sách phụ cấp cho cán bộ văn phòng điều phối (Huyện Lệ Thủy quy định mức phụ cấp là 1.0 x Mức lương cơ bản); cơ chế hỗ trợ vườn mẫu; khu dân cư kiểu mẫu...

**3. Xây dựng đồng bộ hệ thống bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình**

***a. Kết quả kiện toàn bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Văn phòng Điều phối các cấp***

*- Cấp tỉnh:* Hệ thống tổ chức từ cấp tỉnh, huyện, xã đến thôn, bản đã được thành lập theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 26/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và đã tổ chức lại bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 và Quyết định số 1600/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. UBND tỉnh Quảng Bình thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ) các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020. Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020 được kiện toàn theo Quyết định số 3742/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình với tổng số thành viên là 14 người (trong đó 04 người làm việc theo chế độ chuyên trách và 10 người làm việc theo chế độ kiêm nhiệm).

*- Cấp huyện:* Các huyện, thị xã, TP đã sớm chỉ đạo thành lập Văn phòng Điều phối cấp huyện và bố trí công chức cấp xã chuyên trách về xây dựng nông thôn mới, cụ thể: Văn phòng nông thôn mới cấp huyện do Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế làm cơ quan thường trực. Tổng số thành viên Văn phòng Điều phối cấp huyện là 57 người, trong đó: 44 người làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và 13 người làm việc theo chế độ chuyên trách. Có 02 huyện Lệ Thủy và Minh Hóa biệt phái, tăng cường thêm cán bộ công chức hoạt động chuyên trách tại Văn phòng Điều phối. Đặc biệt, huyện Lệ Thủy là địa phương duy nhất trong toàn tỉnh có quy định phụ cấp (1.0 x Mức lương cơ bản) cho cán bộ Văn phòng Điều phối.

*- Cấp xã:* Bố trí công chức cấp xã kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ về các chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Có 136/136 xã cử công chức kiêm nhiệm: Phần lớn là đội ngũ công chức Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường, công chức Văn phòng - thống kê, cán bộ 30a phụ trách thêm nhiệm vụ theo dõi, tham mưu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

***b. Đánh giá chung về những thuận lợi, hạn chế liên quan đến bộ máy chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình***

*- Thuận lợi:* Quyết định số 1920/QĐ-TTg đã quy định thống nhất, đồng bộ bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo từ tỉnh đến huyện, xã. Việc đổi mới và kiện toàn tổ chức bộ máy phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đã tăng tính hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Chương trình; tạo sự liên kết có tính hệ thống và sự phối hợp chặt chẽ giữa Văn phòng Điều phối các cấp trong thực hiện nhiệm vụ được giao; cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác chỉ đạo điều hành.

*- Khó khăn:* Công tác tham mưu, tổng hợp báo cáo còn hạn chế, đặc biệt là ở cấp xã. Cán bộ Văn phòng Điều phối các cấp chủ yếu hoàn thành nhiệm vụ được giao, chưa chủ động tham mưu nhiều cách làm hay, sáng tạo. Công chức cấp xã làm việc theo chế độ kiêm nhiệm nhưng lại không được hỗ trợ phụ cấp.

*- Nguyên nhân:* Chương trình xây dựng nông thôn mới là một chương trình lớn và khó thực hiện, nhất là trong điều kiện tỉnh Quảng Bình là một tỉnh còn nhiều khó khăn, xuất phát điểm thấp. Muốn thực hiện Chương trình đạt kết quả như mong đợi cần có sự nỗ lực rất lớn, sự quan tâm, vào cuộc của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở bằng những việc làm và hành động cụ thể, thiết thực chứ không đơn thuần là công tác tham mưu, xây dựng kế hoạch của cơ quan chuyên môn. Số lượng cán bộ chuyên trách của Văn phòng Điều phối còn hạn chế nên chưa sâu sát trong theo dõi, thực hiện chương trình ở cơ sở. Công tác điều phối, phối hợp với các Sở, ngành chuyên môn của tỉnh cũng như Văn phòng nông thôn mới cấp huyện thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo vẫn còn nhiều vướng mắc và chưa hiệu quả.

**4. Nâng cao năng lực cho cán bộ làm nông thôn mới ở các cấp**

Trong 10 năm, toàn tỉnh đã tổ chức 664 lớp tập huấn cho hơn 29.091 lượt học viên; tổ chức 41 đoàn học tập kinh nghiệm tại các tỉnh. Cụ thể:

- Cấp tỉnh: Đã tổ chức được 41 lớp tập huấn cho 2.131 lượt học viên; 05 đoàn học tập kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới tại các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Bình Định, Đắc Lắc, Cần Thơ, Đồng Nai, Hà Tĩnh.

- Cấp huyện, xã: Đã tổ chức 623 lớp tập huấn, với 26.960 lượt học viên là cán bộ các phòng ban chuyên môn của huyện, lãnh đạo xã và trưởng các thôn, bản. Tổ chức 36 đoàn học tập mô hình xây dựng Nông thôn mới tại các địa phương làm tốt như: Kinh nghiệm thực hiện Dự án SNV tại các tỉnh miền Nam; kinh nghiệm thực hiện chương trình OCOP, tham quan các xã Hải Đường, xã Tân Thịnh, Hà Tĩnh,…

Công tác đào tạo tập huấn đã được quan tâm triển khai thực hiện từ tỉnh đến xã, góp phần làm thay đổi nhận thức về Chương trình xây dựng nông thôn mới đối với các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể và đặc biệt là đội ngũ thực thi Chương trình ở cấp xã, thôn, bản. Đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp đã nắm được nội dung cơ bản để vận dụng linh hoạt vào thực tiễn ở cơ sở. Tuy nhiên, do thời gian tập huấn ngắn nên đối tượng tập huấn cũng chỉ hiểu cơ bản về những phương pháp, kỹ năng để thực hiện chương trình, chưa có kiến thức chuyên sâu. Số lượng cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng chưa đạt chỉ tiêu đề ra; một số cán bộ được tham gia đào tạo, bồi dưỡng lại chuyển đơn vị hoặc bố trí nhiệm vụ khác nên ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ cán bộ xây dựng nông thôn mới,…

## 5. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới

**\* Cấp tỉnh:** UBND tỉnh Quảng Bình phát động phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011 – 2015 và 2016 – 2020; ban hành Kế hoạch số 2109/KH-UBND, 1820/KH-UBND ngày 27/10/2016 về tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới". Ban chỉ đạo tỉnh chỉ đạo các sở ngành, đơn vị, địa phương tiếp tục tăng cường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền; chỉ đạo Văn phòng Điều phối biên soạn và cấp phát 11.000 cuốn sổ tay, 16.000 tờ gấp, 657 cuốn tài liệu xây dựng nông thôn mới; xây dựng kỷ yếu nông thôn mới; phối hợp với VTV24 và VOV thực hiện chuyên mục “Miền quê đáng sống”; xây dựng phóng sự “Nhiều làng quê khởi sắc từ xây dựng nông thôn mới”;...; Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức truyền hình trực tiếp lễ vinh danh các tập thể, cá nhân có có thành tích trong xây dựng nông thôn mới; Liên hoan thông tin lưu động và Giải báo chí tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới; chỉ đạo các sở ngành, đơn vị tiếp tục tăng cường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền.

Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với xây dựng nông thôn mới. Cấp ủy các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình hành động, quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền trong xây dựng nông thôn mới; duy trì, nhân rộng các mô hình hiệu quả. Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Bình phân công các phóng viên, biên tập bám sát địa bàn, thường xuyên chuyển tải kịp thời các vấn đề Nông thôn mới. Duy trì và nâng cao chất lượng chuyên mục “Chung sức xây dựng nông thôn mới” trên sóng Phát thanh và Truyền thanh Quảng Bình, với thời lượng từ 5-7 phút/số, phát định kỳ 2 số/tháng (sóng Truyền hình) và 04 số/tháng (sóng Phát thanh).

**\* Cấp huyện:** Thị ủy, Thành uỷ và hầu hết các Huyện uỷ đã ra Nghị quyết chuyên đề về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với chủ trương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, kêu gọi mỗi cán bộ, đảng viên là tấm gương, người đi đầu trong việc hưởng ứng và thực hiện các phong trào ở khu dân cư như phong trào: “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”,....UBND các huyện, thị xã, TP thường xuyên quan tâm lãnh đạo và quán triệt vai trò của công tác tuyên truyền trong xây dựng nông thôn mới tại các cuộc họp, hội nghị, hội thảo; chỉ đạo các phòng phòng ban, cơ quan, đoàn thể tăng cường phối hợp triển khai công tác tuyên truyền. Đến nay, Đài Phát thanh các huyện đã thực hiện 18.144 tin, bài viết, phóng sự về nông thôn mới; tổ chức cấp phát 22.500 tờ gấp, 132 bảng pano; 2 cụm pano cổ động tấm lớn (40m2/cụm); 66 băng rôn; 519 đĩa CD tuyên truyền; cung cấp 637 bảng trích lục các tiêu chí gửi các xã, các thôn, bản, các cơ quan đơn vị để tuyên truyền và chỉ đạo thực hiện nội dung các tiêu chí. Tổ chức tuyên truyền qua các hình thức văn hóa, văn nghệ; lồng ghép qua các lớp tập huấn bồi dưỡng về nông thôn mới.

Cấp xã, thôn, bản: Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh xã và các thôn; lồng ghép trong các cuộc họp chi bộ thôn xóm, các cuộc họp chính quyền, đoàn thể và trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ ở khu dân cư.

Qua đó, nhận thức của cán bộ và người dân đã có chuyển biến rõ rệt. Xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào rộng khắp trong toàn tỉnh. Người dân ngày càng tin tưởng vào chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, tích cực, chủ động tham gia với nhiều cách làm sáng tạo, góp phần huy động nguồn lực thực hiện Chương trình. Trong 10 năm, người dân đã đóng góp 870,5 tỷ đồng (gồm hiến đất, tài sản, ngày công, công trình quy đổi thành tiền 504,1 tỷ đồng; tiền mặt: 366,4 tỷ đồng). Tuy nhiên, thông tin vẫn còn mang tính một chiều, chưa có nhiều bài viết mang tính phản biện, tương tác cao; Công tác tuyên truyền ở một số thôn bản vùng sâu, vùng xa chưa sâu rộng; Kỹ năng, phương pháp của đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác tuyên truyền còn hạn chế; kinh phí thực hiện chưa đáp ứng yêu cầu.

**6. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - thời điểm báo cáo**

Tổng nguồn vốn: 69.116,6 tỷ đồng, trong đó: Vốn ngân sách: 4.822,3 tỷ đồng, chiếm 7,0%; Vốn tín dụng: 63.118,8 tỷ đồng, chiếm 91,3%; Vốn doanh nghiệp: 225,0 tỷ đồng, chiếm 0,3%; Vốn huy động từ người dân và cộng đồng: 870,5 tỷ đồng, chiếm 1,3%; Nguồn khác: 80,0 tỷ đồng, chiếm 0,1%.

*(Chi tiết có Biểu 02 kèm theo)*

**7. Đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2010 - 2010 và đánh giá hiệu quả của Phong trào thi đua đối với sự nghiệp xây dựng nông thôn mới trên địa bàn**

Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” đã được cụ thể hóa và triển khai rộng khắp. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện phong trào được thực hiện khẩn trương, nghiêm túc với nhiều biện pháp và nội dung phù hợp. Căn cứ Kế hoạch số 2019/KH-UBND ngày 07/10/2011 và Kế hoạch số 1820/KH-UBND ngày 27/10/2016 về tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Bình” của UBND tỉnh, UBND các cấp đã cụ thể hóa các nội dung để tổ chức thực hiện. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các hình thức tuyên truyền, nội dung phong trào thi đua đã được tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh và được nhân dân đồng tình, hưởng ứng. Các cấp, các ngành trong tỉnh tích cực tham gia, tổ chức phát động thi đua, ký kết, phối hợp để triển khai phong trào một cách tích cực, chủ động. Người dân ngày càng nhận thức rõ về quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm, vai trò chủ thể của mình trong xây dựng nông thôn mới, từ đó tích cực đóng góp ngày công lao động, vật chất,... để làm đường giao thông, nhà văn hóa và các công trình khác. Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp được quan tâm đầu tư cùng với việc thực hiện các chương trình, dự án về nông nghiệp, đặc biệt là Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã giúp sản xuất nông nghiệp có những bước phát triển mới, đã tạo ra những vùng sản xuất chuyên canh, có một số sản phẩm đặc trưng, mô hình liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm được chú trọng góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, nhờ đó đời sống nhân dân từng bước được nâng cao. Có thể nói, phong trào đã trở thành một cuộc vận động có tính lan tỏa sâu rộng, góp phần huy động sự tham gia của người dân và nguồn lực xã hội hóa. Bên cạnh đó, công tác khen thưởng đã được tỉnh chú trọng và quan tâm nhằm kịp thời khuyến khích, cổ vũ các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong xây dựng nông thôn mới[[3]](#footnote-3).

**8. Kết quả xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình**

Thực hiện tinh thần chỉ đạo của Trung ương và cân đối nguồn lực của địa phương, UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt việc thanh toán nợ đọng. Theo đó, các cấp, các ngành liên quan phải thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình nợ đọng XDCB trong xây dựng nông thôn mới để kịp thời tham mưu, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh các phương án chỉ đạo, điều hành. Trong thời gian qua, tình hình nợ đọng được các cấp chú ý trong quá trình phân bổ nguồn lực thực hiện, đồng thời có kế hoạch trả nợ rõ ràng, cụ thể, không triển khai xây dựng công trình mới khi chưa trả hết nợ XDCB. Đến 31/10/2018, nợ đọng XDCB trên địa bàn các xã là 5,8 tỷ đồng giảm 438,2 tỷ đồng so với đầu giai đoạn, đã đưa vào kế hoạch bố trí giai đoạn 2019 - 2020 để xử lý dứt điểm.

**9. Kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình**

Công tác kiểm tra, giám sát có vai trò quan trọng đối với sự lãnh đạo, tổ chức thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM). Thông qua công tác kiểm tra, giám sát đã kịp thời phát huy ưu điểm, khắc phục những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm trong thực hiện chương trình góp phần củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân với Đảng, chính quyền địa phương. Hàng năm, Ban chỉ đạo Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình. Đặc biệt, trong năm 2014 và năm 2019, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng đã tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát việc tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện chương trình. Trong quá trình lãnh đạo xây dựng nông thôn mới, Đảng ủy các cấp luôn quan tâm, chú trọng công tác kiểm tra, giám sát. Nội dung kiểm tra tập trung vào việc triển khai xây dựng nông thôn mới ở cơ sở. Trước mỗi cuộc kiểm tra đều xây dựng kế hoạch cụ thể, phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn kiểm tra. Sau kiểm tra, các đoàn báo cáo kết quả với cấp ủy để kịp thời bổ khuyết, rút kinh nghiệm. Nhờ vậy, trong quá trình xây dựng nông thôn mới không để xảy ra sai phạm nghiêm trọng.

## III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

**1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình**

*a. Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới:*

- Số đơn vị cấp thôn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 0.

- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 62 xã, đạt 45,6%, tăng 32 xã so với năm 2015, tăng 62 xã so với trước khi triển khai. Dự kiến cuối năm 2019, có thêm 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới lên 74 xã, đạt 54,4%.

- Có 01 đơn vị hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (TP. Đồng Hới).

- Số tiêu chí bình quân/xã: 15,5 tiêu chí, tăng 3,3 tiêu chí/xã so với năm 2015, tăng 11,9 tiêu chí/xã so với trước khi triển khai.

- Số xã dưới 5 tiêu chí: 0 xã, giảm 04 xã so với năm 2015, giảm 104 xã so với trước khi triển khai.

## b. Kết quả thực hiện một số tiêu chí nâng cao của Chương trình:

- Xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: Năm 2019, toàn tỉnh có 05 xã phấn đấu đạt xã nông thôn mới nâng cao[[4]](#footnote-4) và 03 xã phấn đấu đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu[[5]](#footnote-5). Đến nay, các xã đang tích cực triển khai, phấn đấu về đích theo đúng tiến độ đề ra.

- Khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu nông thôn mới: Sau khi có chỉ đạo của Ban chỉ đạo Trung ương, tỉnh Quảng Bình đã sớm ban hành tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu và vườn mẫu nông thôn mới. Đến nay, toàn tỉnh có 11 vườn mẫu được công nhận đạt chuẩn, chưa có khu dân cư kiểu mẫu đạt chuẩn.

- Thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn (dưới 10 tiêu chí): Trong giai đoạn 2019 – 2020, sẽ hỗ trợ 104 thôn, bản của 8 xã đặc biệt khó khăn thuộc “Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020” (Kim Thủy, Lâm Thủy, Trường Sơn, Thượng Trạch, Thượng Hóa, Hóa Sơn, Trong Hóa, Dân Hóa).

*c. Kết quả thực hiện so với mục tiêu đến năm 2020 tại Nghị quyết số 04 NQ/TU ngày 15/7/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh*

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: Dự kiến cuối năm 2019, có thêm 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới lên 74 xã, đạt 54,4%; vượt 06 xã so với mục tiêu đề ra năm 2020 (50% số xã tương ứng 68 xã).

- Trong 19 tiêu chí, có 14 tiêu chí đưa ra mục tiêu đến năm 2020, 05 tiêu chí không quy định mục tiêu (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Thông tin và Truyền thông; Nhà ở dân cư; Hộ nghèo; Tổ chức sản xuất), cụ thể:

+ Có 01 tiêu chí Quy hoạch đạt mục tiêu đề ra (100% số xã đạt chuẩn).

+ Có 08 tiêu chí vượt mục tiêu đề ra (Thủy lợi; Điện; Thu nhập; Lao động có việc làm; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Văn hóa; Quốc phòng và An ninh)

+ Có 05 tiêu chí chưa đạt mục tiêu: Giao thông đạt 61,0% (mục tiêu 70%) thiếu 13 xã; Trường học đạt 61,0% (mục tiêu 80%), thiếu 26 xã; Cơ sở vật chất văn hóa đạt 71,3% (mục tiêu 75%), thiếu 05 xã; Môi trường và ATTP đạt 73,5% (mục tiêu 80%), thiếu 09 xã; Hệ thống chính trị và TCPL đạt 83,1% (mục tiêu 95%) thiếu 17 xã.

## 2. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới

***2.1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới (tiêu chí số 1):*** Công tác quy hoạch, lập đề án xây dựng nông thôn mới triển khai và hoàn thành theo đúng thời gian yêu cầu của Trung ương. Trong quá trình thực hiện đã chỉ đạo bổ sung một số nội dung công tác quy hoạch đáp ứng yêu cầu của tiêu chí quy hoạch và tái cơ cấu ngành nông nghiệp[[6]](#footnote-6). Đến nay, toàn tỉnh có 136/136 xã đạt tiêu chí Quy hoạch, đạt 100% so với mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, do một số bất cập trong thời gian đầu triển khai như: thời gian gấp rút, văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành còn chồng chéo, sửa đổi nhiều lần; năng lực và kinh nghiệm của một số đơn vị tư vấn còn hạn chế… Hiện nay, các xã vẫn tiếp tục tự rà soát quy hoạch, tìm ra những bất cập để có giải pháp điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và chủ trương mới của chính phủ (phát triển vật liệu không nung).

***2.2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội*** *(so sánh với mục tiêu năm 2020 tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)****:***

*\* Giao thông (Tiêu chí số 2):* Giao thông nông thôn đã có bước phát triển vượt bậc, nhiều địa phương lựa chọn giao thông làm khâu đột phá. Trong quá trình thực hiện, đã huy động được sự tham gia tích cực của người dân. Vì vậy, kết quả đạt được rất khả quan, cụ thể: Tổng số km đường xây dựng mới và cải tạo nâng cấp: 2.968 km, trong đó: xây dựng mới 1.193,7 km[[7]](#footnote-7); cải tạo nâng cấp: 1.774,7 km[[8]](#footnote-8); xây dựng mới 305 cầu[[9]](#footnote-9); 3.519 cống, ngầm tràn[[10]](#footnote-10). Đến nay, có 83/136 xã hoàn thành tiêu chí Giao thông nông thôn, đạt 61,0% (tăng 60,3% so với năm 2010 và 33,1% so với năm 2015); vượt 10,7% so với mục tiêu đề ra năm 2020 (55% số xã). Tuy nhiên, do tỉnh ta có điều kiện địa hình phức tạp, đồi núi sông suối nhiều, độ dốc tự nhiên lớn, dân cư phân bố rộng khắp…nên việc xây dựng và phát triển GTNT của tỉnh gặp khó khăn. Đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, khu vực bãi ngang, cồn bãi. Hiện nay, trên địa bàn vẫn còn nhiều cụm dân cư, thôn, bản chưa có cầu qua sông, 25 bản chưa có đường giao thông tiếp cận; những công trình này đều có quy mô vốn đầu tư khá lớn, vượt khả năng ngân sách của địa phương cũng như sự đóng góp của người dân. Bên cạnh đó, công tác quản lý, bảo trì còn hạn chế do nguồn kinh phí chưa đáp ứng yêu cầu.

*\* Thủy lợi (Tiêu chí số 3):* Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động của các xã cơ bản đạt từ 85% trở lên; 136/136 xã có Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được thành lập theo quy định tại Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ; 100% cán bộ xã được tập huấn, nâng cao năng lực công tác phòng chống thiên tai; người dân được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai. Cơ sở hạ tầng thiết yếu cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác phòng chống thiên tai nhằm cung cấp thông tin dự báo thiên tai đến các thôn; các điểm dễ ngập lụt được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo. Đến nay, có 123/136 xã hoàn thành tiêu chí Thủy lợi, đạt 90,4% *(tăng 84,6% so với năm 2010 và tăng 41,2% so với năm 2015)*; vượt 17,1% so với mục tiêu đề ra năm 2020 (77%). Tuy nhiên, một số công trình thủy lợi bị hư hỏng, xuống cấp chưa được sửa chữa, khắc phục do thiếu kinh phí.

*- Điện nông thôn (Tiêu chí số 4):* Hệ thống điện phân phối đã được đầu tư xây dựng cơ bản hoàn chỉnh; công tác cải tạo, sửa chữa, duy tu bảo dưỡng thường xuyên được quan tâm. Đến nay, có 134/136 xã có điện lưới đến trung tâm xã với hơn 99% số hộ dân được sử dụng điện từ lưới điện quốc gia, còn 02 xã chưa có điện lưới quốc gia đến trung tâm xã (Tân Trạch và Thượng Trạch) và một số thôn, bản khác được triển khai dự án cung cấp điện bằng năng lượng mặt trời. Số xã đạt tiêu chí Điện đạt 98,5% *(tăng 64,0% so với năm 2010 và tăng 4,4% so với năm 2015)*, đạt 98,5% so với mục tiêu đề ra năm 2020 (100% số xã). Mặc dù hệ thống điện tỉnh Quảng Bình đã được đầu tư tương đối hoàn thiện, tuy nhiên còn tiềm ẩn nhiều rủi ro do Quảng Bình nằm trong khu vực thường xuyên chịu tác động của thiên tai. Bên cạnh đó, ý thức bảo vệ hành lang an toàn lưới điện của một số tổ chức cá nhân còn chưa được tốt, vẫn còn tình trạng khai thác đất gây sụt lún các cột điện, đốt rừng gần các tuyên đường dây truyền tải gây ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống điện.

*- Trường học (Tiêu chí số 5):* Các địa phương trong tỉnh đã quan tâm đầu tư CSVC, xây dựng trường học theo hướng đạt chuẩn[[11]](#footnote-11). Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm chỉ đạo, thực hiện lồng ghép xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia gắn với tiêu chí Nông thôn mới và xây dựng trường học thân thiện. Đến nay, có 83/136 xã hoàn thành tiêu chí Trường học, đạt 61,0% *(tăng 55,1% so với năm 2010 và tăng 22,8% so với năm 2015)*; đạt 76,2% so với mục tiêu đề ra năm 2020 (80%). Tuy nhiên, cơ sở vật chất trường lớp, thiết bị dạy học, nhà ở công vụ của giáo viên, nhất là miền núi, còn thiếu, lạc hậu, không đồng bộ và chưa đúng quy cách; nhiều địa phương chưa có điều kiện tổ chức bán trú cho mầm non.

*- Cơ sở vật chất văn hóa (Tiêu chí số 6):* Đến nay trên địa bàn tỉnh có 134 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; 1.159 Nhà Văn hoá - Khu thể thao thôn, bản; hơn 300 điểm vui chơi trẻ em và hệ thống sân bãi thể thao tại các địa phương. Phần lớn hệ thống cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động văn hóa và thể thao ở cơ sở được xây dựng khá khang trang, kiến trúc cơ bản phù hợp điều kiện, phong tục, tập quán địa phương. Việc trang cấp trang thiết bị văn hóa, thông tin được triển khai có hiệu quả, cơ bản các địa phương đã có đủ phương tiện nghe nhìn phục vụ các hoạt động văn hóa, thông tin của địa phương, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân; có 97/136 xã đạt tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa, đạt 71,3% *(tăng 66,9% so với năm 2010 và tăng 39,0% so với năm 2015),* đạt 95,1% so với mục tiêu đề ra năm 2020 (75%). Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện xây dựng trung tâm văn hóa – thể thao xã, nhà văn hóa thôn – khu thể thao thôn theo chuẩn mới của Bộ Văn hóa và Du lịch còn chậm. Vẫn còn nhiều xã, thôn, bản chưa xây dựng Trung tâm, nhà Văn hóa-Thể thao. Một số Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản được xây dựng từ lâu đang xuống cấp.

*- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (Tiêu chí số 7):* Hệ thống hạ tầng thương mại nông thôn đã được quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới theo quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 1333/QĐ-CT ngày 11/6/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình và mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020. Trong 10 năm, toàn tỉnh đã đầu tư xây mới 15 chợ, đầu tư, cải tạo và nâng cấp 27 chợ. Đến cuối năm 2018, toàn tỉnh có 150 chợ[[12]](#footnote-12) đang hoạt động theo quy hoạch đã phê duyệt, trong đó có 27 chợ thành thị và 123 chợ nông thôn. Trong năm 2019, dự kiến sẽ có thêm 01 chợ đạt chuẩn. Đối với các xã có quy hoạch chợ nhưng chưa có vốn đầu tư xây dựng, UBND các xã đã tiến hành rà soát các hộ kinh doanh trên địa bàn để lựa chọn, hướng dẫn, chỉ đạo, vận động, hỗ trợ các hộ kinh doanh cải tạo, nâng cấp của tiêu chí hạ tầng thương mại trong chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Đến nay, có 122/136 xã đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, đạt 89,7% *(tăng 77,2% so với năm 2010 và tăng 27,9% so với năm 2015),* vượt 28,4% so với mục tiêu đề ra năm 2020 (70% số xã đạt chuẩn). Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn nhiều khó khăn, tại các xã miền núi, biên giới rất khó huy động vốn của các thành phần kinh tế ngoài nhà nước để xây dựng, nâng cấp cải tạo chợ, xây dựng siêu thị, cửa hàng tiện lợi. Một số chợ sau khi xây xong chưa phát huy tối đa hiệu quả, cơ sở hạ tầng chợ xuống cấp nhưng chưa được đầu tư, nâng cấp.

*- Thông tin và truyền thông (Tiêu chí số 8):* Lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án để đầu tư, thiết lập mới 27 đài truyền thanh cho 27 xã[[13]](#footnote-13); đầu tư, nâng cấp 02 trạm phát lại truyền hình huyện Minh Hóa và Tuyên Hóa; 18 đài truyền thanh cấp xã ; 01 trạm truyền thanh thôn. Các doanh nghiệp viễn thông tập trung đầu tư hạ tầng viễn thông đến các địa bàn nông thôn, miền núi nhằm nâng cao chất lượng phủ sóng, phục vụ tốt việc sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông của nhân dân. Đến nay, có 117/136 xã đạt tiêu chí, đạt 86,0% *(tăng 53,7% so với năm 2010 và giảm 4,4% so với năm 2015),* đạt 90,6% so với mục tiêu đề ra năm 2020 (95%). Tuy nhiên, do điều kiện ngân sách tỉnh còn hạn chế nên chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư, xây dựng, nâng cấp đài truyền thanh các xã, việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin ở nhiều xã chậm tiến độ. Đội ngũ cán bộ phụ trách đài truyền thanh xã chủ yếu kiêm nhiệm nên thiếu tính ổn định.

*- Nhà ở dân cư (Tiêu chí số 9):* Các địa phương đã lồng ghép các chương trình, nguồn vốn, tranh thủ sự hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp để xóa nhà tranh, nhà tạm cho hộ nghèo, gia đình chính sách, người có công với cách mạng, vừa thực hiện chính sách xã hội vừa hoàn thiện tiêu chí Nhà ở dân cư. Từ năm 2010 đến nay, đã hỗ trợ xây dựng và xóa nhà tranh, nhà tạm cho hơn 3.824 hộ gia đình. Đến nay, có 119/136 xã đạt tiêu chí, đạt 87,5% *(tăng 74,3% so với năm 2010 và tăng 11,8% so với năm 2015)*.

***2.3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân***

Xác định phát triển, nâng cao thu nhập cho người dân là một tiêu chí hết sức quan trọng, là hạt nhân trong việc thực hiện Chương trình. Làm tốt được nội dung này là thể hiện sự thay đổi về chất, bảo đảm tính bền vững trong xây dựng nông thôn mới. Trong thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương quan tâm tập trung ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị kinh tế cao; hỗ trợ xây dựng các mô hình, dự án trọng điểm; hỗ trợ khuyến khích phát triển HTX, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX gắn với liên kết theo chuỗi giá trị, trang trại, THT; đầu tư, sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống; hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản,...Trong 10 năm qua, nông nghiệp tiếp tục phát triển, góp phần duy trì tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp (từ 21,7% năm 2010 xuống còn 18,7% năm 2018); công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng (từ 78,3% năm 2010 lên 81,3% năm 2018); nông nghiệp chuyển mạnh từ sản lượng sang chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng cao. Các địa phương đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng gắn với thị trường, phù hợp với biến đổi khí hậu, nhất là chuyển đổi từ đất lúa thiếu nước, kém hiệu quả sang các cây trồng, đối tượng khác cho thu nhập 38-160 triệu đồng/ha, lãi 10-55 triệu đồng/ha/vụ, cao hơn 2-8 lần so với lúa; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu giống, tăng giống ngắn ngày, chất lượng cao. Tiếp tục chỉ đạo dồn điền đổi thửa, đưa nhanh cơ giới hoá vào các khâu sản xuất, đồng thời kêu gọi doanh nghiệp liên kết với nông dân sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, cánh đồng lớn 6.659ha; với khoảng 90% sản lượng được thu mua, lợi nhuận tăng 16-21%. Nhìn chung trồng trọt phát triển theo hướng hàng hóa, nâng cao giá trị và chất lượng; thu nhập bình quân đất trồng trọt 48 triệu đồng/ha/năm. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi chuyển dịch đúng hướng; chăn nuôi chiếm tỷ trọng cao; khai thác xa bờ phát triển mạnh, nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, bền vững tăng nhanh; lâm nghiệp từng bước được xã hội hóa, rừng được bảo vệ tốt hơn, góp phần bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nâng cao sinh kế cho người dân miền núi; trồng rừng gỗ lớn bước đầu phát triển. Nhiều tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới có hiệu quả đã được nhân rộng vào sản xuất như thâm canh lúa cải tiến SRI, sản xuất rau an toàn theo hướng VietGap, hệ thống tưới nhỏ giọt cho hồ tiêu, cây ăn quả, hướng tới nền nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao, thân thiện với môi trường; từng bước chuyển sản xuất cá thể nhỏ lẻ sang sản xuất hợp tác, liên doanh, liên kết, tập trung, quy mô lớn gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; tỷ lệ lao động qua đào tạo ngày càng tăng, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động nông thôn; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh; kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại được quan tâm đầu tư.

*- Về thu nhập (tiêu chí số 10)*: Thu nhập bình quân khu vực nông thôn cuối năm 2018 là 30,4 triệu đồng/người/năm, dự kiến năm 2019 là 31,3 triệu đồng. Mặc dù, cao hơn 2,5 triệu đồng so với các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ nhưng so với bình quân chung cả nước vẫn còn thấp hơn 5,5 triệu đồng. Đến nay, có 88/136 xã đạt tiêu chí Thu nhập, đạt 64,7% *(tăng 61,0% so với năm 2010 và tăng 8,1% so với năm 2015),* đạt 73,3% so với mục tiêu đề ra năm 2020 (80%).

*- Về lao động có việc làm (tiêu chí số 12)*: Từ năm 2010 đến tháng 6 năm 2019, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho trên 312.784 người, duy trì tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị ở mức dưới 3,0%, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn từ 78,2% (năm 2011) lên trên 85% (cuối năm 2018); chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực, góp phần giảm tỷ trọng lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp xuống còn 52%. Đến nay, có 130/136 xã đạt, đạt 95,6% *(tăng 92,6% so với năm 2010 và tăng 31,6% so với năm 2015),* vượt 19,27% so với mục tiêu đề ra năm 2020 (80%).

*- Về tổ chức sản xuất (tiêu chí số 13):* Việc phát triển các hình thức tổ chức sản xuất được nhiều địa phương chú trọng. Toàn tỉnh có 545 trang trại, 194 HTX nông lâm nghiệp và thủy sản; 863 THT được thành lập theo Nghị định 151 và 86 Tổ đoàn kết khai thác trên biển. Kinh tế trang trại phát triển theo hướng chất lượng và giá trị. Mô hình HTX liên kết với doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị hàng hóa chủ lực của địa phương ngày càng được các địa phương quan tâm hỗ trợ và nhân rộng[[14]](#footnote-14). Đến nay, có 106/136 xã đạt, đạt 77,9% *(tăng 44,9% so với năm 2010 và tăng 11,0% so với năm 2015),* vượt đạt 91,38% so với mục tiêu đề ra năm 2020 (85%).

***2.4. Giảm nghèo và an sinh xã hội (tiêu chí số 11):***Công tác giảm nghèo và an sinh xã hội đã được quan tâm triển khai và đạt được nhiều kết quả tích cực. 6 tháng đầu năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,84% (2.087 hộ, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn 6,14%) và tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 1,25% (3.084 hộ). Đến nay, có 83/136 xã đạt tiêu chí, đạt 61,0% *(tăng 51,5% so với năm 2010 và tăng 23,5% so với năm 2015),* vượt 1,2% so với mục tiêu đề ra năm 2020 (60%). Tuy nhiên tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh ta vẫn cao hơn so với mức trung bình của cả nước và vùng Bắc Trung Bộ (Vùng Bắc Trung Bộ: 6,03%; cả nước: 5,23%)

***2.5.* *Phát triển giáo dục ở nông thôn (tiêu chí số 14):*** Công tác xã hội hóa giáo dục trên địa bàn tỉnh được quan tâm triển khai nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong các trường mầm non và phổ thông. Việc triển khai các chế độ chính sách đối với học sinh và giáo viên đã tạo điều kiện thuận lợi cho con em vùng nông thôn, nhất là vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn được đến lớp. Quảng Bình là một trong số ít các tỉnh hoàn thành phổ cập trẻ mầm non 5 tuổi. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 118 xã đã đạt tiêu chí Giáo dục, đạt 86,8%, *(tăng 73,5% so với năm 2010 và tăng 8,1% so với năm 2015),* vượt 8,26% so với mục tiêu đề ra năm 2020 (80%)[[15]](#footnote-15). Tuy nhiên, công tác phổ cập giáo dục ở một số xã còn gặp nhiều khó khăn, nhất là các xã vùng rẻo cao biên giới, bãi ngang, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

***2.6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (tiêu chí số 15):***

Các địa phương tiếp tục xây dựng, củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế tuyến xã đảm bảo cơ sở vật chất trang thiết bị, nhân lực. Cung cấp dịch vụ y tế có chất lượng cao đến tận người dân, thực hiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế tại tất cả các trạm y tế trong lộ trình thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân. Việc xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế đã được quan tâm triển khai, các chỉ tiêu cơ bản đã có sự thay đổi đáng kể, đặc biệt là chỉ tiêu về cơ sở vật chất, nhân lực y tế. Thực hiện các hoạt động phục hồi dinh dưỡng cho trẻ em suy dinh dưỡng tại cộng đồng, góp phần giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi, mức giảm trung bình khoảng 0,5%/năm. Đến nay, toàn tỉnh có 120/136 xã đạt Tiêu chí y tế, đạt 88,2 *(tăng 35,3% so với năm 2010 và tăng 5,1 % so với năm 2015),* vượt 26,5% so với mục tiêu đề ra năm 2020 (70%). Tuy nhiên, điều kiện chăm sóc y tế cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn do điều kiện về địa lý, cơ sở vật chất, trang thiết bị, chuyên môn, năng lực cán bộ còn hạn chế, một số trạm có đủ số lượng cán bộ nhưng chức danh không phù hợp. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng còn cao so với mức bình quân chung của cả nước. Tỷ suất sinh giảm chậm và thiếu vững chắc.

***2.7. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn (tiêu chí số 16):*** Phong trào xây dựng Gia đình văn hóa được đông đảo cán bộ, nhân dân tích cực hưởng ứng, tạo khí thế thi đua sôi nổi. Ban Chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” từ tỉnh đến cơ sở đã xác định việc nâng cao chất lượng phong trào xây dựng Gia đình văn hóa luôn được đặt lên hàng đầu là tiền đề quan trọng để thực hiện tốt các nội dung khác. Toàn tỉnh có 197.017/236.255 hộ được công nhận gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 83,4%. Phong trào xây dựng khu dân cư văn hóa tiếp tục phát triển mạnh mẽ, góp phần tích cực vào kết quả chung của phong trào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh. Chất lượng phong trào xây dựng thôn, bản văn hóa ngày càng được nâng cao, phát huy được tính tích cực và tác dụng thiết thực trong đời sống góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Toàn tỉnh có 918/1.218khu dân cư đạt danh hiệu văn hóa, đạt tỷ lệ 75,4%. Công tác xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới được triển khai đồng bộ, bước đầu đã đạt được một số kết quả nhất định, tác động tích cực vào mọi mặt của đời sống xã hội. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 103/136 xã đã đạt tiêu chí văn hóa, đạt 75,7%, *(tăng 52,5% so với năm 2010 và tăng 27,2% so với năm 2015),* vượt 0,98% so với mục tiêu đề ra năm 2020 (75%).

***2.8. Vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm (tiêu chí số 17)***

Trong thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường triển khai nhiều hoạt động bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn nhằm kiểm soát và hạn chế ô nhiễm; tập trung xây dựng các văn bản phục vụ công tác quản lý môi trường, đặc biệt là hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới. Đến nay, có 100 xã đạt tiêu chí, đạt 73,5%, *(tăng 70,6% so với năm 2010 và tăng 28,7% so với năm 2015),* vượt 5,04% so với mục tiêu đề ra năm 2020 (70%)[[16]](#footnote-16). Tuy nhiên, công tác xã hội hóa trong thực hiện tiêu chí môi trường ở một số địa phương chưa cao, chưa huy động được nguồn lực và sự tham gia của người dân; vẫn thụ động trong việc quản lý, xử lý các vấn đề môi trường phát sinh trên địa bàn, chưa chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra. Công tác quản lý chất thải rắn tại một số địa phương còn bất cập, đặc biệt là khu vực miền núi. Tỷ lệ thu gom rác thải tại một số địa phương còn thấp. Trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở/tổ chức thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại nên chưa chủ động giải quyết chất thải nguy hại phát sinh trên địa bàn tỉnh. Kinh phí đầu tư khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường còn hạn chế, chủ yếu tranh thủ nguồn kinh phí hỗ trợ từ Trung ương.

***2.9. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (tiêu chí số 18)***

Xác định việc xây dựng hệ thống tổ chức chính trị, xã hội ở cơ sở vững mạnh là rất quan trọng vì chính quyền cơ sở là nơi trực tiếp thực hiện các chủ trương đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước, gắn bó với nhân dân. Ủy ban nhân dân tỉnh đã quan tâm, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nội dung về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức; kiện toàn các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở; xây dựng đảng bộ, chính quyền trong sạch, vững mạnh; xây dựng các tổ chức đoàn thể các xã đạt danh hiệu tiên tiến trở lên; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình. Sự phối hợp giữa Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên trong hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới ngày càng cụ thể và hiệu quả tạo sự nhất trí, đồng thuận trong cả hệ thống chính trị[[17]](#footnote-17). Đến nay, có 113 xã đạt tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, đạt 83,1%, *(tăng 39,7% so với năm 2010 và giảm 0,7% so với năm 2015),* đạt 87,46% so với mục tiêu đề ra năm 2020 (95%).

***2.10. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn (tiêu chí số 19):***

Từ năm 2011 đến nay, lực lượng Công an, các đơn vị, địa phương đã tổ chức trên 5.000 hội nghị tuyên truyền, thực hiện hàng trăm lượt tin bài, phóng sự; tổ chức các lớp tập huấn về kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn trực tại 4 cụm; tiếp tục vận động nhân dân tham gia đấu tranh, tố giác tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật; ký kết đảm bảo ANTT và TTATGT ở 5.217 điểm với hơn 339.000 lượt người tham gia. Công tác tuyên truyền đã vận động nhân dân cung cấp 3.871 nguồn tin cho lực lượng Công an; vận động 27 đối tượng truy nã ra tự thú; thu hồi nhiều vũ khí quân dụng, súng tự chế… Tăng cường, củng cố 136 Ban Công an xã, với 1.668 người là Trưởng, phó Công an xã, Công an viên; 22 Ban bảo vệ dân phố ở 22 phường, thị trấn với 969 thành viên. Chỉ đạo, củng cố, kiện toàn 26 tổ chức quần chúng làm công tác ANTT ở các xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường và 80 mô hình tự quản về ANTT hoạt động có hiệu quả ở các đơn vị, địa phương[[18]](#footnote-18). Bên cạnh đó, quán triệt sâu sắc quan điểm quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, cấp ủy, chính quyền, LLVT các cấp đã tập trung xây dựng cơ sở xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện, cụm an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu, chất lượng ngày càng được nâng cao; tỷ lệ cơ sở xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện hàng năm đạt trên 83%, có 100% cụm đạt khá. Công tác quản lý nhà nước về quốc phòng được tiến hành chặt chẽ. Công tác quy hoạch và xây dựng KVPT được các cấp, các ngành, địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Đến nay, có 132/136 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 97,1%, *(tăng 27,2% so với năm 2010 và tăng 6,6% so với năm 2015),* đạt 99,04% so với mục tiêu đề ra năm 2020 (98%). Tuy nhiên, việc kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh trong quá trình xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân ở một số địa phương chưa chặt chẽ, còn bất cập, nhất là khâu quy hoạch; chưa bố trí ngân sách đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trong KVPT tương ứng với yêu cầu nhiệm vụ. Công tác chỉ huy, chỉ đạo nhiệm vụ đảm bảo ANTT nông thôn có nơi, có lúc chưa được quan tâm đúng mức nên hiệu quả chưa cao, ảnh hưởng đến mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Công tác nắm tình hình ở cơ sở có lúc chưa kịp thời; việc giải quyết các vụ việc liên quan đến ANTT nông thôn có lúc còn bị động.

**3. Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới**

Thực hiện Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Quyết định số Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020; tỉnh Quảng Bình đã tiến hành rà soát để lựa chọn huyện có khả năng phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, tuy nhiên ngoài TP. Đồng Hới đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 thì trong giai đoạn 2016 - 2020 không có huyện nào đăng ký đạt chuẩn.

**IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Kết quả đạt được**

Sau 10 năm triển khai thực hiện chương trình nông thôn mới mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, thách thức của lạm phát kinh tế, đầu tư công thắt chặt, ảnh hưởng của thiên tai (rét đậm, rét hại, bão, lũ năm 2013, 2016, 2017), dịch bệnh và sự cố môi trường biển, bình quân tiêu chí/xã chỉ đạt 3,6…nhưng được sự quan tâm giúp đỡ của Chính phủ, các Bộ ngành TW, sự chỉ đạo sát đúng của Tỉnh ủy, HĐND và sự nỗ lực rất lớn của các cấp, các ngành, đặc biệt là sự chung tay góp sức của người dân, chương trình đã đạt được một số kết quả quan trọng:

- Các cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị đã tích cực, chủ động, sáng tạo trong triển khai thực hiện. Bộ máy chỉ đạo được hình thành khá đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; nhiều cơ chế chính sách được ban hành có tác dụng thiết thực và trở thành động lực thúc đẩy tiến độ triển khai chương trình.

- Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Bình” đã thực sự trở thành một phong trào ý nghĩa, mang tính nhân văn và có sức lan tỏa sâu rộng, được người dân đồng tình hưởng ứng. Nhận thức của người dân về xây dựng nông thôn mới ngày càng được nâng cao, nhất là trong phát triển sản xuất gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng khoa học công nghệ, trong bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan nông thôn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, giữ gìn an ninh trật tự, góp phần làm thay đổi cơ bản bộ mặt nông thôn của các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở đã nỗ lực tập trung triển khai chương trình. Một số địa phương cán bộ cùng người dân kiên trì, bền bỉ, tổ chức họp, tuyên truyền, phổ biến, vận động để người dân được bàn thảo một cách kỹ lưỡng và thống nhất cách làm. Những khâu quan trọng và khó nhất trong xây dựng NTM đều được nhân dân đồng thuận cao, đồng thời thể hiện tính công khai, minh bạch và phát huy tính chủ thể của người dân trong triển khai thực hiện chương trình.

- Bộ mặt nông thôn ở nhiều địa phương thay đổi nhanh chóng, rõ rệt. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện (đến cuối năm 2018, thu nhập của cư dân nông thôn đạt 30,4 triệu đồng/người/năm, tăng gấp 3,0 lần so với năm 2010, cao hơn 2,5 triệu đồng so với các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ); tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh (hiện nay chỉ còn 6,14%); điều kiện về y tế, giáo dục, văn hóa được cải thiện; cảnh quan môi trường nông thôn có nhiều chuyển biến rõ nét. Dân chủ cơ sở được nâng cao từ đó phát huy nhiều cách làm hay, sáng tạo góp phần huy động nhiều nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới. Đây là những tiền đề quan trọng cho sự phát triển bền vững của Quảng Bình.

- Nông nghiệp giữ được mức tăng trưởng, phát triển tương đối toàn diện. Bình quân tăng trưởng giai đoạn đạt 4,5%, đã góp phần cho sự tăng trưởng chung của tỉnh và tạo nên sự ổn định cho sự phát triển của Quảng Bình. Năng suất chất lượng nhiều loại cây trồng, vật nuôi được nâng lên; xây dựng và nhân rộng nhiều mô hình sản xuất hiệu quả; việc liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân với các doanh nghiệp có tiến triển tốt, tạo thuận lợi cho tiêu thụ nông sản và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Cơ cấu kinh tế được chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản, tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ.

- Phong trào khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu ở nhiều địa phương đã thúc đẩy nông thôn mới đi vào thực chất. Chương trình OCOP cũng đã bước đầu đạt được những kết quả nhất định, góp phần thúc đẩy phát triển những sản phẩm đặc sản của địa phương. Các loại hình tổ chức sản xuất được đổi mới phù hợp, hiệu quả hơn; kinh tế hộ tiếp tục được hỗ trợ và tổ chức theo hướng quy mô lớn hơn, dần thích nghi với cơ chế thị trường. Hoạt động của các HTX ngày càng hiệu quả với doanh thu và thu nhập của các thành viên HTX ngày càng cao, từng bước khẳng định vai trò của HTX trong hỗ trợ phát triển kinh tế hộ và xây dựng nông thôn mới. Các mô hình về phát triển du lịch cộng đồng đã và đang từng bước phát triển mạnh tại các địa phương, góp phần hỗ trợ người dân nâng cao thu nhập.

- Công tác bảo vệ môi trường nông thôn đã được quan tâm, từng bước làm thay đổi nhận thức, ý thức, trách nhiệm của người dân. Một số các thôn, bản đã có hương ước về giữ gìn vệ sinh chung. Hầu hết các xã đều có quy hoạch nghĩa trang cho các thôn, xóm đảm bảo nằm cách xa khu dân cư và có tổ thu gom rác thải sinh hoạt. Phần lớn các doanh nghiệp đã thực hiện các hồ sơ thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nhằm góp phần tích cực trong việc giảm thiểu ô nhiễm. Phong trào trồng cây xanh, trồng hoa, vẽ bích họa trên các tuyến đường đang phát triển mạnh mẽ ở các địa phương.

- Chất lượng đời sống văn hóa tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao, trong đó nổi bật nhất là việc bảo tồn, giữ gìn những nét đẹp văn hóa truyền thống, hàng loạt lễ hội truyền thống tốt đẹp được tổ chức bài bản ở khắp các vùng quê (hò khoan Lệ Thủy, lễ hội đua thuyền truyền thống trên sông Nhật Lệ, Kiến Giang; lễ hội cầu ngư của cư dân vùng biển Đồng Hới; **Hội làng Bảo Ninh; Lễ cúng xuống mùa làng Lệ Sơn**…), bảo tồn và phát huy tốt các giá trị cảnh quan ở nông thôn; ngày càng thu hút doanh nghiệp, tư nhân tham gia công tác xã hội hóa cơ sở hạ tầng văn hóa, thể thao. Hệ thống cơ sở hạ tầng, các thiết chế văn hóa, thể thao ở thôn, xã ngày càng được hoàn thiện; phong trào văn nghệ, thể thao được duy trì đều đặn, rộng khắp đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần và thể chất cho người dân.

- Công tác đảm bảo an ninh trật tự được quan tâm triển khai, người dân ngày càng nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, tích cực tham gia tố giác tội phạm; giúp đỡ lực lượng công an nhân dân trong công tác phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh phòng chống các loại tội phạm. Xây dựng và nhân rộng nhiều mô hình tổ chức quần chúng làm công tác ANTT, trong đó nhiều mô hình đã phát huy hiệu quả, góp phần làm giảm tội phạm ở cơ sở.

- Công tác kiểm tra giám sát được coi trọng đã kịp thời chấn chỉnh những vi phạm, sai lệch trong quá trình thực hiện Chương trình. Đặc biệt, vai trò của Ban Giám sát cộng đồng trong xây dựng đường giao thông nông thôn ngày càng được phát huy. Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện kịp thời đã góp phần cổ vũ, động viên khích lệ phong trào xây dựng nông thôn mới trong toàn tỉnh.

- Đến nay, toàn tỉnh có 62 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân đạt 15,5 tiêu chí/xã, cao hơn 0,2 tiêu chí/xã so với bình quân chung toàn quốc.

**2. Những tồn tại, hạn chế**

- Công tác tuyên truyền, vận động của một số địa phương, đoàn thể chưa sâu rộng, chưa thường xuyên, kịp thời, hình thức tuyên truyền chưa phong phú, thiếu thuyết phục.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một xã chưa quyết liệt. Nhiều nơi nặng về xây dựng cơ sở hạ tầng mà chưa chú trọng đến các tiêu chí phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập. Công tác giải phóng mặt bằng triển khai quyết liệt ở giai đoạn đầu, giai đoạn sau chững lại, một số đoạn đường giao thông nông thôn sau khi giải phóng mặt bằng chưa được quản lý chặt chẽ, công tác quản lý mốc giới, phát dọn cây cối trên các tuyến đã giải phóng mặt bằng còn hạn chế.

- Khoảng cách chênh lệch về kết quả xây dựng nông thôn mới giữa các địa phương còn khá lớn, trong khi nhiều xã đã chuyển sang giai đoạn nâng cao chất lượng, xây dựng xã nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu, thì một số xã có số tiêu chí đạt rất thấp.

- Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ, chưa có nhiều sản phẩm hàng hóa chủ lực mang tính truyền thống, đặc trưng của Quảng Bình. Liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị gặp nhiều khó khăn, chưa chặt chẽ; xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, hỗ trợ thị trường hạn chế nên vẫn xảy ra tình trạng “được mùa mất giá”. Kinh phí dành cho phát triển sản xuất còn thấp chưa đủ lớn để tạo ra nhiều đột phá ở các xã, nhiều xã gặp khó khăn trong việc thực hiện chỉ tiêu. Các chuỗi giá trị triển khai còn chậm do vướng mắc trong phê duyệt và các cơ sở còn lúng túng trong thực hiện.

- Cơ sở hạ tầng nhất là đường giao thông, kênh mương thủy lợi, cơ sở vật chất văn hóa còn nhiều khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến một số công trình nhanh hư hỏng, xuống cấp.

- Môi trường nông thôn đang còn là vấn đề bức xúc ở nhiều địa phương, các địa phương đang thiếu bãi chứa rác, thiếu phương tiện xử lý thu gom rác, nước thải; kiến thức về xử lý rác thải, vệ sinh môi trường còn hạn chế…

- Tình hình an ninh trật tự, tệ nạn xã hội ở một số địa bàn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp.

- Nguồn vốn huy động từ doanh nghiệp, từ các nhà hảo tâm để xây dựng NTM còn hạn chế. Khả năng đóng góp và huy động các nguồn lực ở một số thôn, bản vùng cao, vùng xa trong xây dựng nông thôn mới còn gặp rất nhiều khó khăn. Nguồn vốn huy động tại chỗ xây dựng nông thôn mới của xã chủ yếu từ đấu giá quyền sử dụng đất, tuy nhiên nhiều xã thiếu quỹ đất hoặc đất có khả năng sinh lời không cao, chi phí GPMB lớn.

- Một số xã chưa chủ động huy động các nguồn lực khác để triển khai, chủ yếu đang trông chờ kinh phí từ cấp trên; chưa chú trọng đến các tiêu chí mềm, tiêu chí chưa cần hoặc cần ít kinh phí; đặc biệt nhiều xã chưa có phương án cụ thể để đạt được các tiêu chí thu nhập, hộ nghèo.

- Năng lực của bộ phận cán bộ cơ sở, nhất là ở xã miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế nên ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ triển khai và chất lượng của Chương trình.

- Một số chỉ tiêu cơ bản của tỉnh chưa đạt so với mức trung bình của vùng Bắc Trung Bộ, cụ thể: Bình quân tiêu chí/xã thấp hơn 0,3 tiêu chí (Vùng Bắc Trung Bộ:15,8 tiêu chí); Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới thấp hơn 6,5% (Vùng Bắc Trung Bộ: 51,9%); Tỷ lệ hộ nghèo cao hơn 0,11% (Vùng Bắc Trung Bộ: 6,03%).

***2. Nguyên nhân chính:***

*a. Về khách quan:*

- Tỉnh Quảng Bình có xuất phát điểm thấp (bình quân 3,6 tiêu chí/xã) lại thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ, dịch bệnh, hiệu quả đầu tư sản xuất nông nghiệp thấp, rủi ro cao nên việc thu hút đầu tư còn hạn chế; cơ sở hạ tầng nông nghiệp - nông thôn vừa thiếu, vừa chưa đồng bộ.

- Chương trình xây dựng nông thôn mới có nhiều nội dung toàn diện, tổng hợp và thực hiện trong thời gian dài nhưng lực lượng cán bộ ở cơ sở còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu. Cán bộ thực hiện chương trình đều kiêm nhiệm, thường xuyên có sự luân chuyển công tác nên khó khăn trong quá trình thực hiện. Công tác phối hợp giữa các ngành, các đoàn thể trong việc triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới còn thiếu chủ động.

- Một số tiêu chí ban hành các quy định, chỉ tiêu mới hoặc mức đạt chuẩn thay đổi theo từng năm (tiêu chí thu nhập) nên nhiều xã không đáp ứng kịp đã ảnh hưởng đến tính bền vững trong nông thôn mới.

- Nguồn vốn đầu tư ngân sách cho Chương trình còn thấp, khả năng đóng góp của nhân dân hạn chế trong khi nhu cầu đầu tư về giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương, xây dựng có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn, hệ thống trạm y tế…còn rất lớn.

- Tác động của thiên tai ngày càng diễn biến phức tạp đã gây thiệt hại về tài sản, con người và ảnh hưởng nặng nề đến đời sống sinh hoạt, sản xuất của người dân, qua đó, đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc duy trì các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội, thu nhập, hộ nghèo, môi trường....

- Các xã có điều kiện kinh tế - xã hội không đồng đều, những xã có lợi thế đã được đầu tư hoàn thành các năm trước, các xã còn lại đều là những xã khó khăn, xuất phát điểm thấp, tiêu chí chưa đạt là những tiêu chí cần kinh phí đầu tư lớn, trong khi nguồn lực của Nhà nước, người dân, doanh nghiệp còn hạn chế nên càng về sau chương trình càng khó khăn hơn.

*b. Về chủ quan:*

- Việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, cơ chế, chính sách, phát huy dân chủ cơ sở, trao quyền tự chủ cho người dân và cộng đồng dân cư bàn bạc, lựa chọn và tự tổ chức thực hiện, giám sát, là nội dung cốt lõi trong cơ chế thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, nhưng nhiều địa phương chưa quan tâm đúng mức.

- Một số cấp ủy, chính quyền chưa thực sự tập trung trong lãnh đạo, chỉ đạo, huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội chung sức xây dựng nông thôn mới; chưa thể hiện quyết tâm chính trị cao trong việc đặt ra mục tiêu, còn lúng túng trong tổ chức thực hiện.

- Mặc dù tỉnh đã có nhiều cơ chế, chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tuy nhiên vẫn chưa có nhiều doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, nguồn lực đóng góp cho chương trình nông thôn mới còn hạn chế.

- Các tiêu chí đạt được hầu hết đều ở mức tối thiểu theo quy định, trong khi nguồn lực còn hạn chế nên việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới còn khó khăn, chưa có giải pháp bền vững.

- Theo quy định tại Quyết định 596/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo khi đạt chuẩn nông thôn mới thì từ năm tiếp theo sẽ không còn trong danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và không thuộc diện hỗ trợ đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Điều này, tác động lớn đến tâm lý người dân và tác động đến tỷ lệ hộ nghèo và tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế của các xã sau khi đạt chuẩn nông thôn mới.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, tuy đã được tăng cường đáng kể, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất. Phát triển thị trường tiêu thụ nông sản còn nhiều bất cập, khó khăn.

- Sản xuất nông nghiệp chưa thực sự gắn với thị trường và còn mang tính tự phát; chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm còn thấp. Mối liên kết giữa sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, vấn đề dự báo, thông tin về thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa tốt. Việc dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất vẫn còn khó khăn đã hạn chế việc đưa tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hoá vào sản xuất, phát triển nông nghiệp hàng hóa.

- Do có sự thay đổi cán bộ nông thôn mới ở cơ sở nên việc nắm bắt thông tin chưa được xuyên suốt, làm ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo.

# V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

*Một là:* Trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình phải kiên trì, quyết liệt, đồng bộ, cụ thể; các thành viên Ban chỉ đạo các cấp được phân công phụ trách cơ sở phải thường xuyên bám sát địa bàn để chỉ đạo. Đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các cấp để huy động cả hệ thống chính trị và nhân dân cùng vào cuộc. Thường xuyên kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ đối với từng thành viên và các tổ chức đoàn thể để thúc đẩy thực hiện Chương trình.

*Hai là:* Phải làm tốt công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức trong cộng đồng dân cư về nội dung, phương pháp, cách làm, cơ chế chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới để cả hệ thống chính trị và người dân hiểu rõ mục tiêu cốt lõi của từng giai đoạn. Xây dựng nông thôn mới phải do cộng đồng dân cư làm chủ; huy động nội lực là chính với sự hỗ trợ một phần của nhà nước thì công cuộc xây dựng nông thôn mới mới thành công và bền vững.

*Ba là:* Chủ động, sáng tạo, phù hợp với điều kiện và đặc điểm của địa phương tránh rập khuôn, máy móc; mỗi địa phương phải căn cứ vào đặc điểm, lợi thế và nhu cầu thiết thực của người dân để lựa chọn nội dung trọng tâm, trọng điểm làm trước với mức độ phù hợp, đồng thời tuân thủ các hướng dẫn của cấp trên.

*Bốn là:* Chú trọng xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt ở các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở, để triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đầy đủ đến với người dân, từ đó giúp cho người dân tự nguyện tham gia. Đồng thời cần có cơ chế chính sách sát, đúng, kịp thời tạo ra sự kích thích mạnh mẽ để các địa phương nỗ lực phấn đấu. Phát huy cao nguồn lực tại chỗ, lồng ghép các chương trình dự án; lựa chọn thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên tạo ra sự chuyển biến thực tế trên diện rộng.

*Năm là:* Phát huy tốt quy chế dân chủ, công khai, minh bạch. Định kỳ sơ kết, tổng kết để đánh giá rút kinh nghiệm và biểu dương, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng nông thôn mới

# Phần thứ hai

**ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRONG NĂM 2020 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO**

# I. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG CHỈ ĐẠO

Quán triệt quan điểm “nông nghiệp, nông dân, nông thôn là chiến lược; nông thôn mới là căn bản; tái cơ cấu ngành nông nghiệp là then chốt, người nông dân là chủ thể”; phát huy những kết quả đạt được, đồng thời, khắc phục những tồn tại, hạn chế, đẩy mạnh phát động các phong trào thi đua để xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Bình tiếp tục hướng tới nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế nông thôn, nhất là chú trọng các chuỗi liên kết sản xuất, bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống; nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn; đẩy mạnh công tác giữ gìn, bảo vệ môi trường để xây dựng nông thôn mới bền vững; quyết tâm phấn đấu hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu trong giai đoạn mới.

# MỤC TIÊU CỤ THỂ

**2.1. Mục tiêu phấn đấu năm 2020**

- Đến hết năm 2020, toàn tỉnh có ít nhất 81 xã (chiếm 59% số xã của tỉnh) đạt chuẩn nông thôn mới, phấn đấu đạt 73,5% (100 xã) theo Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Số tiêu chí bình quân toàn tỉnh đạt tối thiểu 16,5 tiêu chí/xã.

- Các xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; các khu dân cư phấn đấu đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn hộ phấn đấu đạt chuẩn vườn nông thôn mới kiểu mẫu. Theo báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố, dự kiến đến năm 2020, toàn tỉnh có 10 - 14 xã đạt xã nông thôn mới nâng cao[[19]](#footnote-19); 03 xã đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu[[20]](#footnote-20); 57 - 79 vườn mẫu nông thôn mới[[21]](#footnote-21); 10 – 14 khu dân cư kiểu mẫu[[22]](#footnote-22).

- 07 xã đã có Quyết định đạt chuẩn trước năm 2017[[23]](#footnote-23) đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí mới trong quý I năm 2020 theo Thông báo kết luận số 526/TB-VPUBND ngày 25/02/2019 của Văn phòng UBND tỉnh.

**2.2. Mục tiêu phấn đấu giai đoạn 2021 - 2025**

- Có 01 - 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Có 75% số xã được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới (khoảng 102 xã).

- Có 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (khoảng 28 xã).

- Có 05% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (khoảng 07 xã).

- Không có xã đạt dưới 10 tiêu chí.

- Có 85% số thôn, bản ở vùng đặc biệt khó khăn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo tiêu chí công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 - 2020 do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 17/01/2019.

- Các công trình hạ tầng thiết yếu (giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế) đảm bảo đồng bộ, liên thông và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn được nâng cao; thu nhập bình quân của người dân nông thôn trong vùng đến năm 2025 tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2020.

**III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

1.Tiếp tục phát động và nâng cao chất lượng các phong trào thi đua trong xây dựng nông thôn mới; đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, nâng cao nhận thức để cán bộ, đảng viên và người dân hiểu đầy đủ bản chất nhân văn của xây dựng nông thôn mới, quán triệt tư tưởng “Xây dựng nông thôn mới có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc”. Nâng cao vai trò, trách nhiệm cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là vai trò người đứng đầu trong xây dựng nông thôn mới. Các sở, ban, ngành, địa phương đưa vào chương trình công tác hàng năm các nhiệm vụ của chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Nội dung xây dựng nông thôn mới phải trở thành nhiệm vụ chính trị thường xuyên, liên tục của địa phương và của các cơ quan có liên quan.

2.Tập trung chỉ đạo các địa phương tiếp tục rà soát mục tiêu của giai đoạn 2016 – 2020 để hoàn thành; chủ động bắt tay vào xây dựng chương trình, kế hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau năm 2020 theo hướng rõ mục tiêu, rõ việc, gắn sát với điều kiện thực tiễn.

3. Chủ động nghiên cứu và xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đặc biệt là đối với các xã miền núi, khó khăn để sớm tiệm cận với quy định đạt chuẩn các tiêu chí nông thôn mới hiện hành; lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn với chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, thống nhất cơ chế triển khai thực hiện các nội dung của chương trình, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư các nguồn lực, đảm bảo không chồng chéo, lãng phí nguồn lực.

4. Rà soát, điều chỉnh và ban hành các Bộ tiêu chí, tiêu chí theo hướng tách biệt rõ các nhóm tiêu chí bắt buộc (thu nhập, hộ nghèo, môi trường, an ninh trật tự, hệ thống chính trị...) và nhóm tiêu chí vận dụng linh hoạt cho từng địa phương, theo hướng tăng cường nhóm tiêu chí linh hoạt, phù hợp với các vùng sinh thái, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và đặc trưng văn hóa của từng địa phương.

5. Trong xây dựng nông thôn mới sau năm 2020, chính quyền cấp huyện phải phát huy vai trò của mình trong chuyển đổi cơ cấu sản xuất, xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, kết nối với nông thôn và đô thị, các chuỗi liên kết sản xuất hỗ trợ nông dân, công tác bảo vệ môi trường (nhất là xử lý chất thải rắn, nước thải,...)

6. Tập trung thực hiện hiệu quả các nội dung của chương trình:

*a. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó:*

- Tập trung đẩy nhanh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và an toàn sinh học; xây dựng vùng nguyên liệu nông sản tập trung gắn với cấp mã vùng trồng, mã vạch sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn quản lý chất lượng (Vietgap, Globalgap) và truy xuất nguồn gốc đối với tất cả các sản phẩm nông nghiệp.

- Đẩy mạnh hơn nữa việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; chú trọng ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất; xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất; nhân rộng các mô hình kinh tế hiệu quả đang có ở các địa phương.

- Tiếp tục phát triển các sản phẩm đặc sản, thế mạnh của địa phương theo chu trình “Mỗi xã một sản phẩm” gắn với xây dựng thương hiệu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm và xuất khẩu.

- Phát triển và nhân rộng các mô hình du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới (hình thành các tour, tuyến du lịch nông thôn).

- Thực hiện chính sách thu hút, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào các địa phương, trong đó tập trung thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào chế biến nông sản và lĩnh vực phi nông nghiệp, tạo nhiều việc làm cho lao động nông thôn.

*b. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng cơ bản ở nông thôn*

- Nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng nông thôn theo hướng đáp ứng yêu cầu, nâng cao số lượng đáp ứng yêu cầu (cao hơn so mức đạt chuẩn), đi sâu vào chất lượng và bền vững (nâng cao mức yêu cầu của tiêu chí và các yêu cầu ngoài quy định của tiêu chí).

- Chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị; kết nối liên xã, liên huyện; mở rộng và hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng trung tâm cấp huyện, trong đó chú trọng đầu tư hình thành và phát triển hệ thống cung ứng, kết nối nông sản hiện đại cấp huyện; ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao, bài trừ tệ nạn xã hội để nâng cao đời sống tinh thần và an ninh nông thôn. Giữ gìn và phát huy sự đa dạng, phong phú về văn hóa của các dân tộc; chú trọng trùng tu, bảo dưỡng các di tích lịch sử, công trình văn hóa hiện có ở các địa phương, làm cơ sở để nhân rộng các mô hình du lịch trải nghiệm, du lịch khám phá ở các vùng nông thôn.

- Tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn (tăng tỷ lệ chất thải rắn, nước thải sinh hoạt, bao gói thuốc BVT được phân loại, thu gom và xử lý); tái sử dụng chất thải nông nghiệp đảm bảo đúng quy định về vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm, cải tạo cảnh quan môi trường; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm xanh, sạch, đẹp làm tiền đề cho phát triển du lịch nông thôn.

- Phát huy vai trò của nhân dân trong giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn. Triển khai các giải pháp mạnh để kiềm chế và xử lý triệt để tội phạm liên quan đến ma túy, truyền đạo trái phép; đẩy nhanh tiến độ chủ trương đưa lực lượng công an chính quy về làm công an xã, nhất là ở những khu vực trọng yếu, các điểm nóng, phức tạp; đồng thời nhân rộng và phát huy hiệu quả các mô hình tự quản đảm bảo giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn.

7. Tăng cường thực hiện có hiệu quả các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện chương trình:

- Thực hiện lồng ghép, thống nhất cơ chế đầu tư, hỗ trợ trên cùng địa bàn theo cơ chế của chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; có chính sách hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho các đơn vị cấp huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới.

- Huy động tối đa nguồn lực của địa phương để tổ chức triển khai chương trình, trong đó tiếp tục triển khai cơ chế cho cấp xã giữ lại tiền đấu giá sử dụng đất để đầu tư cho xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục khuyến khích các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới; vận động nhân dân tự nguyện tham gia đóng góp kinh phí, ngày công lao động, hiến đất...để phát triển hệ thống hạ tầng cơ bản ở nông thôn.

8. Tiếp tục giữ vững và củng cố bộ máy triển khai thực hiện chương trình theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuyên môn hóa; đồng thời nghiên cứu đổi mới, nâng cao năng lực và hiệu quả tham mưu.

9. Tập trung chỉ đạo theo từng nhóm xã:

\* Đối đơn vị cấp huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, tập trung chỉ đạo xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo tiêu chí quy định hiện hành, đồng thời, xác định nội dung, giải pháp thực hiện, đảm bảo giữ vững và đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí trong tình hình mới.

\* Đối với các xã đã đạt chuẩn: Duy trì, giữ chuẩn, nâng chuẩn, xây dựng kế hoạch phấn đấu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018 – 2020. Đối với các xã thuộc nhóm này, nếu có biểu hiện lơ là, ỷ lại dẫn đến duy trì không đạt chuẩn thì xem xét, thu hồi Quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM, đồng thời kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan.

\* Đối với các xã đăng ký hoàn thành nông thôn mới năm 2020 và các năm tiếp theo: Sau khi UBND tỉnh lựa chọn danh sách các xã đăng ký đạt chuẩn. Các xã cần khẩn trương xây dựng lộ trình, khái toán kinh phí; tập trung triển khai các công trình, phần việc liên quan đến các tiêu chí chưa đạt; huy động mạnh mẽ sự tham gia của người dân, phối hợp chặt chẽ với sở, ngành được phân công chỉ đạo để triển khai theo đúng kế hoạch đề ra, đặc biệt đối với hạng mục có khối lượng công việc lớn, thời gian thi công dài cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Đối với tiêu chí đã đạt chuẩn thì củng cố hồ sơ để tích lũy khi trình xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

\* Đối với xã phấn đấu đạt xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu:

* UBND các huyện, TP cân đối nguồn vốn; lồng ghép các chương trình, dự án và chỉ đạo các ngành của huyện quan tâm, hướng dẫn xã thực hiện các tiêu chí, đặc biệt là các tiêu chí chưa đạt (nội dung nào thuộc thẩm quyền thì quan tâm hỗ trợ, nội dung nào vượt thẩm quyền thì kiến nghị, đề xuất để giải quyết).

- Các Sở ngành theo lĩnh vực được phân công, tăng cường trách nhiệm, tập trung phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, hỗ trợ, hướng dẫn, thường xuyên kiểm tra tiến độ các nội dung công việc, tiêu chí liên quan đến ngành mình phụ trách, kịp thời báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh.

\* Đối với các xã còn lại: Chủ động huy động nguồn lực, tập trung chỉ đạo tạo sự chuyển biến rõ nét trên các lĩnh vực, tiêu chí; ưu tiên các nội dung dễ làm, cần ít vốn để chỉ đạo thực hiện. Tổ chức cho các xã tham quan các xã đã đạt chuẩn NTM để học tập những kinh nghiệm tốt, cách làm hay của các xã đi trước, nhất là những xã vượt khó, vươn lên đạt chuẩn nông thôn mới để vận dụng tại địa phương.

10. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng quản lý chặt chẽ việc sử dụng các nguồn lực thực hiện chương trình; tiếp tục phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới.

**III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Dự kiến tổng nguồn vốn để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình giai đoạn 2021-2025: 48.821.700 triệu đồng, trong đó: Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 1.155.200 triệu đồng; Nguồn vốn ngân sách địa phương: 687.500 triệu đồng; Nguồn vốn lồng ghép: 538.000 triệu đồng; Nguồn vốn tín dụng: 46.263.000 triệu đồng; Nguồn vốn doanh nghiệp: 5.000 triệu đồng; Nguồn vốn cộng đồng dân cư: 153.000 triệu đồng; Nguồn khác: 20.000 triệu đồng

**Phần thứ ba**

**ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ**

**1. Kiến nghị, đề xuất đối với Chính phủ:**

- Quan tâm bố trí nguồn lực để thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020. Hiện nay lũy kế bố trí NSTW Chương trình NTM giai đoạn 2016-2019 là 675.470 triệu đồng, so với kế hoạch trung hạn được giao là 1.155.200 triệu đồng mới chỉ đạt khoảng 58%.

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan tham mưu phương án thành lập bộ máy chỉ đạo và tham mưu, giúp việc chương trình nông thôn mới thống nhất trong toàn quốc, đủ tầm, đủ điều kiện để thực thi công việc đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao trong tình hình mới.

- Tạo điều kiện cho tỉnh Quảng Bình tham gia vào các chương trình, dự án giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu; đồng thời có sự ưu tiên, hỗ trợ về nguồn vốn cho các xã khó khăn, đặc biệt là các xã bãi ngang, cồn bãi sản xuất ngư nghiệp chuyển đổi nghề.

- Có cơ chế, chính sách đặc thù, ưu tiên hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế xã hội, phát triển sản xuất cho khu vực nông thôn miền núi tỉnh Quảng Bình do điều kiện phát triển hạ tầng xã hội của vùng nông thôn còn nhiều khó khăn, địa hình phức tạp nên suất đầu tư xây dựng các công trình lớn; điểm xuất phát so với tiêu chí thấp; thường chịu ảnh hưởng nặng do thiên tai, mưa lũ kéo dài làm hư hỏng rất nhiều các công trình hạ tầng nông thôn tại các xã trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là các nội dung báo cáo tổng kết 10 năm (2010-2020) thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Bình.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- TT Tỉnh ủy (b/c);- TT HĐND tỉnh (b/c);- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Các thành viên BCĐ tỉnh;- Văn phòng Điều phối tỉnh;- UBND các huyện, thị xã, thành phố;- Lưu: VT, KT. | **KT. TRƯỞNG BAN****PHÓ TRƯỞNG BAN****PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH****Lê Minh Ngân** |

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông Vận tải và Sở Xây dựng ban hành hướng dẫn thiết kế mẫu đối với một số công trình phục vụ xây dựng nông thôn mới; Sở Kế hoạch Đầu tư ban hành công văn 1325/KHĐT-KT ngày 17/09/2013 về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định 498/QĐ-TTg; UBND các huyện, thị xã, thành phố ban hành danh mục công trình áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù. [↑](#footnote-ref-1)
2. Công văn số 1837/KHĐT-KT ngày 03/7/2017 và Công văn số 2250/KHĐT-KT ngày 11/8/2017 của Sở Kế hoạch Đầu tư [↑](#footnote-ref-2)
3. Giai đoạn 2011 – 2015: Có 01 tập thể được tặng cờ Thi đua của Chính phủ và 10 tỷ đồng; 09 xã được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và 01 tỷ đồng, 03 cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 01 tập thể được tặng cờ thi đua của UBND tỉnh và công trình phúc lợi trị giá 01 tỷ đồng; 28 xã và 8 thôn được tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng công trình phúc lợi; 6 tập thể và 8 cá nhân được tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

 Giai đoạn 2016 – 2020: Có 08 tập thể và 06 cá nhân được tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; 22 xã được tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng công trình phúc lợi trị giá 100 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-3)
4. Phong Thủy, Tân Thủy – huyện Lệ Thủy; Bảo Ninh, Quang Phú – TP. Đồng Hới; Thanh Trạch – huyện Bố Trạch [↑](#footnote-ref-4)
5. Lương Ninh (Quảng Ninh); Xuân Thủy (Lệ Thủy), Bảo Ninh (TP. Đồng Hới) [↑](#footnote-ref-5)
6. Đến tháng 11/2015, có 136/136 xã hoàn thành quy hoạch và lập đề án xây dựng nông thôn mới; 136/136 xã được phê duyệt quy chế quản lý quy hoạch, đạt 100%; 116/136 xã tiến hành rà soát điều chỉnh quy hoạch phát triển sản xuất. [↑](#footnote-ref-6)
7. Đường tỉnh: 241 km, Đường huyện: 125 km, Đường xã: 325 km, đường thôn xóm và nội đồng: 502.7 km [↑](#footnote-ref-7)
8. Đường huyện: 325 km, đường xã: 435 km, đường thôn xóm và nội đồng: 1.014,7 km [↑](#footnote-ref-8)
9. Đường tỉnh: 58 cái/3.666,63md; Đường huyện: 106 cái/3.710,5md; Đường xã: 132 cái/1.015,5md; Đường thôn xóm: 9 cái/319md [↑](#footnote-ref-9)
10. Cống các loại: 3.498 cái/20.490md; ngầm tràn: 21 cái/1.041md [↑](#footnote-ref-10)
11. Toàn tỉnh có 850 trường và cơ sở giáo dục. Tỷ lệ phòng học văn hóa được kiên cố hoá toàn ngành đạt 76,45% (MN 65,1%; Tiểu học 77,27%; THCS 90,18%; THPT 93,63%); tỷ lệ kiên cố hóa phòng học bộ môn đạt 82,34%; tỷ lệ kiên cố hóa các phòng chức năng, thư viện, thiết bị, thí nghiệm thức hành tăng đáng kể, đạt 71%; 100% các trường phổ thông có thư viện. Có 18 trường mầm non được trang cấp thiết bị đồ dùng trong lớp, đồ chơi ngoài trời hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới; 41 trường phổ thông được trang bị phòng học ngoại ngữ.. [↑](#footnote-ref-11)
12. Có 04 chợ hạng I (Chợ Đồng Hới, Nam Lý, Ba Đồn, Chợ Tréo); 36 chợ hạng II, 79 chợ hạng III và 31 chợ tạm. [↑](#footnote-ref-12)
13. Văn Thủy, Trường Thủy, Thái Thủy, Sen Thủy, Phong Thủy – huyện Lệ Thủy; Hải Ninh, Trường Sơn – huyện Quảng Ninh; Hưng Trạch, Sơn Trạch, Lâm Trạch, Thượng Trạch, Xuân Trạch – huyện Bố Trạch; Quảng Tiến, Quảng Thạch, Quảng Châu, Quảng Kim – huyện Quảng Trạch; Hóa Hợp, Xuân Hóa, Yên Hóa, Hóa Sơn, Tân Hóa – huyện Minh Hóa; Cao Quảng, Thạch Hóa, Nam Hóa, Châu Hóa, Hương Hóa – huyện Tuyên Hóa; Quảng Minh – TX. Ba Đồn. [↑](#footnote-ref-13)
14. Hiện nay toàn tỉnh có 59 HTX nông nghiệp tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho các hộ thành viên với 24 doanh nghiệp; chiếm 31,9% trên tổng số hợp tác xã nông nghiệp toàn tỉnh. Việc liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi của các HTX đã gắn với sản phẩm chủ lực của địa phương như: Chuỗi lúa gạo, khoai lang, lạc; chuỗi gà, lợn, thỏ, ong, tôm; chuỗi nấm, chuỗi dược liệu. Bước đầu đã có một số mô hình HTX liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo ra sức cạnh tranh hàng hóa và chuỗi giá trị nông sản, nâng cao đời sống thành viên lên một bước đáng kể, góp phần quan trọng phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xã hội. [↑](#footnote-ref-14)
15. *+ Nội dung số 01 (Phổ cập mầm non 5 tuổi-PCMN5T):* Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp đạt 99,98%. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt 99,85%. Tỷ lệ trẻ em khuyết tật được tiếp cận giáo dục đạt 100%. Có 135/136 xã đạt chuẩn PCMNT5T, đạt 99,3%. 8/8 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục MNT5T, đạt 100%. Tỉnh duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục MNT5T.

*+ Nội dung số 02 (Xóa mù chữ-XMC):* Tỷ lệ người độ tuổi 15-25 biết chữ mức 2 đạt 99,86%. Tỷ lệ người độ tuổi 15-35 biết chữ mức 2 đạt 99,52%. Tỷ lệ người độ tuổi 15-60 biết chữ mức 2 đạt 98,57%. Có 136/136 xã đạt chuẩn XMC mức độ 1 trở lên; 134/136 xã đạt chuẩn XMC mức độ 2 (98,5%). 8/8 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn XMC mức độ 2. Tỉnh duy trì đạt chuẩn XMC mức độ 2.

*+ Nội dung số 03 (Phổ cập giáo dục tiểu học):* Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,99%. Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (HTCTTH) đạt 98,56%. Tỷ lệ trẻ 11-14 tuổi HTCTTH đạt 99,58%. Tỷ lệ trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục 97,2%; 136/136 xã đạt chuẩn PCGDTH mức độ 2 trở lên; 8/8 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn PCGD TH mức độ 2 trở lên. Trong đó, 7/8 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn PCGD TH mức độ 3 (87,5%). Tỉnh duy trì đạt chuẩn PCGD TH mức độ 2.

*+ Nội dung số 04 (Thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở):* Tỷ lệ TTN 15-18 tuổi TN THCS đạt 96,1%. Tỷ lệ TTN 15-18 tuổi đã và đang học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT hoặc GDNN đạt 86,7%. Tỷ lệ trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục đạt 84,5%. 136/136 xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 1 trở lên. Trong đó, 135/136 xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 trở lên (99,3%); 108/136 xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3 (67,9%); 8/8 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 1 trở lên; 06 huyện, thị xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 và thành phố Đồng Hới đạt chuẩn PCGD THCS mức 3. Tỉnh duy trì đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 1. [↑](#footnote-ref-15)
16. *- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định:* Đạt 90,2%

*- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường:* Đạt 98,0%

*- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn:* Công tác vệ sinh môi trường đường làng, ngõ xóm đã có nhiều cải thiện, nhiều xã đã ban hành quy chế bảo vệ môi trường, trong đó phân công cụ thể trách nhiệm cho các hội, đoàn thể, các thôn trong xã thực hiện công tác vệ sinh môi trường định kỳ. Nhà cửa, hàng rào, cổng được chỉnh trang, trồng hoa, cây xanh tạo cảnh quan.

*- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch, theo quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh:* Nhiều xã đã thực hiện việc quy hoạch nghĩa trang, ban hành quy chế quản lý nghĩa trang. Nhiều xã xây dựng đường vào nghĩa trang, hệ thống thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước, tránh ngập úng.

*- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định:* Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải bình quân chung toàn tỉnh đạt 77,4%. Việc xử lý chất thải rắn một phần được thu gom, xử lý tại Nhà máy phân loại xử lý rác thải, sản xuất biogas và phân bón khoáng hữu cơ của Công ty TNHH Phát triển dự án Việt Nam, một phần được xử lý tại các bãi chôn lấp có quản lý, được thiết kế, xây dựng, vận hành theo Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-BKHCNMT-BXD ngày 18/1/2001 của Liên bộ. Đối với nước thải sinh hoạt của khu dân cư: Tỷ lệ số hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh theo quy định là 71,3%. Nhiều điểm dân cư tập trung của thôn, xã đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống tiêu thoát nước và nước thải sinh hoạt, tuy nhiên việc đầu tư nắp đậy còn chưa được hoàn chỉnh. Công tác thu gom chất thải từ hoạt động canh tác nông nghiệp đã được cải thiện đáng kể.

*- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch:* Đạt 71,3%

*- Tỷ lệ hộ gia đình cơ sở sản xuất – kinh doanh thực phẩm tuân thủ quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm:* Đạt 98%.

*- Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh*: Tăng từ 54,7% năm 2010 lên 90,2% năm 2018, dự kiến 92% năm 2019. [↑](#footnote-ref-16)
17. Có 136/136 xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. Toàn tỉnh có 3.269 cán bộ, công chức cấp xã (1.605 cán bộ và 1.664 công chức). Trong đó, có 291 công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã. Công tác hướng dẫn nghiệp vụ và bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được quan tâm triển khai. Đã tổ chức 129 lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội cho cán bộ, công chức cấp xã với 8.353 lượt tham gia và 136 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho hơn 14.100 lượt cán bộ (cán bộ Tư pháp – Hộ tịch xã, hòa giải viên...). Có 114/136 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm đều đạt tiêu chí về chuẩn tiếp cận pháp luật ở mức cao (từ 90 điểm trở lên và khảo sát đánh giá sự hài lòng của tổ chức và cá nhân về chất lượng và thái độ khi thực hiện thủ tục hành chính đạt từ 90% trở lên). Có 22/136 xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và phấn đấu đạt chuẩn trong năm 2019 và các năm tiếp theo. Các xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật chủ yếu do có cán bộ bị kỷ luật và số ít không đạt điểm. [↑](#footnote-ref-17)
18. Có những mô hình hoạt động có hiệu quả như “Bản làng bình yên” ở xã Thanh Hóa (Tuyên Hóa); “Chi đoàn tự quản về ANTT” ở xã Thạch Hóa (Tuyên Hóa); mô hình “Tổ dân phố, thôn, bản an toàn” ở các huyện, thị xã, thành phố; mô hình “Chung tay phòng ngừa, trợ giúp người chưa thành niên vi phạm pháp luật” ở xã Nhân Trạch, huyện Bố Trạch; mô hình “Xã không có tệ nạn ma tuý” ở Vĩnh Ninh…. [↑](#footnote-ref-18)
19. Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Tuyên Hóa dự kiến 1-2 xã/huyện; Quảng Trạch: 01 xã; Đồng Hới: 05 xã [↑](#footnote-ref-19)
20. Lệ Thủy, Quảng Ninh, Đồng Hới: 01 xã/huyện [↑](#footnote-ref-20)
21. Lệ Thủy: 40 – 60 vườn; Quảng Ninh: 9; Bố Trạch, Tuyên Hóa, Minh Hóa: 2 vườn/huyện; Quảng Trạch: 2-4 vườn. [↑](#footnote-ref-21)
22. Lệ Thủy, Quảng Trạch: 1-2 KDC/huyện; Quảng Ninh, Bố Trạch: 2-3 KDC/huyện; Tuyên Hóa, Minh Hóa: 02 KDC/huyện [↑](#footnote-ref-22)
23. Quảng Ninh: 02 xã (Duy Ninh, Vĩnh Ninh); Quảng Trạch 01 xã Cảnh Dương; Minh Hóa 01 xã (Quy Hóa); Bố Trạch 03 xã (Hoàn Trạch, Đức Trạch, Hải Trạch) [↑](#footnote-ref-23)